

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 200/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lượng
- Bà Đặng Thị Thanh Tâm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1487/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2025, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm: 1986

Địa chỉ: số nhà 97 ấp BP, xã TB, huyện CG (nay là xã LHL), tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Lê Văn Y, sinh năm: 1986

Địa chỉ: số nhà 859/7 đường TL, phường TB, thành phố TĐ (nay là phường TB), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ: Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: số nhà 859/7 đường TL, phường TB, thành phố TĐ (nay là phường TB), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Đăng ký giám hộ số 01/2025 ngày 22/4/2025 của Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2025 và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị X:

Bà và ông Lê Văn Y tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/5/2011. Cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2016 ông Y thay đổi tính tình, thường xuyên nổi giận vô cớ và đánh đập, bạo hành bà khiến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Đến năm 2017, ông Y ngày càng có nhiều biểu hiện bất thường, không làm chủ được hành vi, thường xuyên la hét, đuổi đánh bà và các con khiến bà và hai con luôn sống trong bất an, sợ hãi. Năm 2018 do mâu thuẫn căng thẳng và để đảm bảo an toàn, bà đã đưa hai con nhỏ về quê sinh sống. Trong thời gian đó bà được biết ông Y phát bệnh tâm thần, được gia đình đưa đi điều trị nhưng không khỏi, đến năm 2024 ông Y đã bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự. Đến nay bà X xác định không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc với ông Y nên yêu cầu được ly hôn, để bà ổn định cuộc sống và thuận tiện trong việc làm thủ tục xin nhập học cho các con.

Con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thị H T, sinh ngày 10/11/2011 và Lê Văn T Đ, sinh ngày 07/10/2015. Bà X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu ông Y (hoặc người giám hộ của ông Y) thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bà Lê Thị Tuyết N – Người giám hộ hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn Y trình bày:

Bà là chị ruột của ông Lê Văn Y. Năm 2018, ông Y phát bệnh tâm thần, đã được gia đình đưa vào Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 điều trị nhưng không khỏi. Ngày 28/6/2024, ông Y đã bị Tòa án nhân dân thành phố TPĐ tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 2785/2024/QĐST-VDS. Ngày 22/4/2025, bà N được Ủy ban nhân dân phường TB đăng ký làm người giám hộ hợp pháp của ông Lê Văn Y. Hiện nay, mọi chi phí điều trị bệnh cho ông Y do bà N chi trả. Bà N xác nhận quá trình hôn nhân, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa ông Y và bà X đúng như lời trình bày của bà X. Do ông Y bị bệnh tâm thần nên từ năm 2016 đã thường xuyên bạo hành vợ con, đến năm 2018 để an toàn cho bà X và hai con nhỏ, gia đình ông Y cũng đồng ý để bà X đưa các con về quê sinh sống. Đến nay bà N không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà X, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Xác nhận ông Y bà X có 02 con chung tên Lê Thị H T, sinh ngày 10/11/2011 và Lê Văn T Đ, sinh ngày 07/10/2015. Bà N đồng ý giao 02 trẻ cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do ông Y không có tài sản nên bà N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 trẻ.

Tại phiên tòa,

Bà Lê Thị X và bà Lê Thị Tuyết N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Xét đơn xin vắng mặt hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị X được ly hôn ông Lê Văn Y. Về con chung: giao 02 con chung tên Lê Thị H T, sinh ngày 10/11/2011 và Lê Văn T Đ, sinh ngày 07/10/2015 cho bà Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; bà X không yêu cầu người giám hộ của ông Y thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức (nay là phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Văn Y bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên căn cứ Khoản 3 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

Nguyên đơn và người giám hộ hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ Trích lục kết hôn số 325/2025/TLKH-BS ngày 21/4/2025 của Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị X và ông Lê Văn Y là hợp pháp.

Căn cứ Quyết định giải quyết việc dân sự số 2785/2024/QĐST-VDS ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ phù hợp với lời khai của bà X và bà

N, thể hiện ông Lê Văn Y đã phát bệnh tâm thần từ năm 2018 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống chung vợ chồng, khiến bà X và các con chịu áp lực lớn về tinh thần nên đã phải tách ra sống riêng. Đến nay ông Y đã mất năng lực hành vi dân sự, không thể tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình với bà X và chăm lo cho các con nên việc bà X yêu cầu ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà X phù hợp với các bản sao giấy khai sinh số 425/2011 ngày 27/9/2023 và số 316/2015 ngày 25/11/2015 cùng do Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định bà X và ông Y có 02 con chung tên Lê Thị H T, sinh ngày 10/11/2011 và Lê Văn T Đ, sinh ngày 07/10/2015. Xét thấy, từ năm 2018 đến nay, bà X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với hoàn cảnh thực tế, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho bà X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do ông Y mất năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà X không yêu cầu ông Y thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà X xác định không có.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà X phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Văn Y;

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị X được ly hôn ông Lê Văn Y.

1.2. Con chung:

Giao 02 (hai) con chung Lê Thị H T (nữ), sinh ngày 10/11/2011 và Lê Văn T Đ (nam), sinh ngày 07/10/2015 cho bà Lê Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà X không yêu cầu ông Lê Văn Y thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn Y (thông qua người giám hộ hợp pháp) được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

1.3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị X phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu BLTU/25P số 0000476 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 – TP. HCM;
- PTHADS Khu vực 2 – TP. HCM;
- Đương sự;
- UBND Phường 22, quận Bình Thạnh;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh